TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS-PT
Ngày 04 – 01 – 2024
Về tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thúy

Ông Lê Phan Công Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 170/2023/TLPT-DS, ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Minh M, sinh năm 1956; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Nh là Luật sư Công ty Luật hợp danh Tạ Nguyệt Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Văn U, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Kim Điền Ph, sinh năm 1993. Đăng ký thường trú: Số 64 đường Hùng Vương, ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Cao Thị Ng, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2. Chị Phạm Thị Q, sinh năm 2001 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- ***Người kháng cáo***: Ông Phạm Minh M là nguyên đơn và ông Phạm Văn Út là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Phạm Minh M trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cha mẹ ông cho ông khoảng năm 1988 khi cha mẹ ông còn sống, sau đó ông mới cho bà Phạm Thị H mượn ở. Khi cho mượn không có làm giấy tờ, nhưng sau khi mượn bà H đã tự ý bán một phần đất của ông cho người khác, phần còn lại thì bà H tiếp tục sử dụng là phần đất hiện ông đang yêu cầu. Vào năm 2008, ông có gửi đơn yêu cầu địa phương giải quyết yêu cầu bà H trả lại đất cho ông, tại biên bản hòa giải ngày 30/11/2008 của chính quyền ấp p thì bà H có thừa nhận việc mượn đất của ông và đồng ý khi nào bà H chết sẽ trả lại đất cho ông.

Phần đất bà H mượn của ông hiện nay do con bà H là anh Phạm Văn U đang quản lý, sử dụng, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm Văn U phải trả lại đất cho ông ngang 5,1m dài 11m (theo đo đạc thực tế có diện tích 69,10m^2 thửa số 49, tờ bản đồ số 55) tọa lạc ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Trên đất có căn nhà của U thì yêu cầu U phải tháo dỡ nhà đi khác để trả lại đất cho ông. Ngoài ra ông không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Phạm Văn U và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Kim Điền Ph trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là do cha mẹ anh U là Phạm Văn K và Phạm Thị H tự khai phá bồi đắp từ năm 1976, ngang khoảng 09m, dài từ lộ tới sông. Sau khi khai phá cha mẹ anh U sử dụng để cất nhà ở xuyên suốt. Đến khoảng năm 1990, do hoàn cảnh khó khăn nên cha mẹ anh U có chuyển nhượng một phần ngang 04m cho ông Nh, phần còn lại thì cha mẹ anh U tiếp tục ở cho đến năm 2017 thì cha anh U chết, đến năm 2019 thì mẹ anh U chết. Do anh U sống chung với cha mẹ từ nhỏ nên cha mẹ anh U để lại phần đất này cho anh U tiếp tục sử dụng cho đến nay. Quá trình sử dụng cha mẹ anh U có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định. Ông M cho rằng cha mẹ anh U mượn đất nhưng không có giấy tờ gì hết. Cha mẹ anh U không có mượn đất của ông M nên anh U không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M. Ngoài ra anh U không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ng trình bày: Bà đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông M. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị N trình bày: Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M. Chị thống nhất theo ý kiến của anh U, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Q trình bày: Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M. Chị thống nhất theo ý kiến của anh U, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh M đối với anh Phạm Văn U yêu cầu trả phần đất diện tích 69,10m^2 thuộc thửa đất số 49 tờ bản đồ 55 tọa lạc ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền sử dụng phần đất diện tích 69,10m^2 thuộc thửa đất số 49 tờ bản đồ 55 tọa lạc ấp P, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Tô Quốc B có cạnh dài 13,7m;

+ Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị X có cạnh dài 14m;

+ Hướng Nam giáp lộ bê tông có cạnh dài 5,2m;

+ Hướng Bắc giáp kênh Phó Sinh – Cạnh Đền có cạnh dài 4,8m.

(Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

Tài sản trên đất của anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền sử dụng gồm: Nhà chính ngang 5,1m dài 11,2m, diện tích 57,12m^2. Kết cấu khung sườn cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, vách tol lạnh, mái lợp tol xi măng; Nhà phụ ngang 4,1m, dài 4,7m, diện tích 19,27m^2. Kết cấu trụ sàn bê tông, lót sàn ván gỗ địa phương, khung sườn cây gỗ địa phương, vách tol lạnh, mái lợp tol lạnh.

Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất diện tích 69,10m^2 nêu trên theo quy định pháp luật.

3. Buộc anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh M và bà Bùi Thị Ng giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 136.265.200 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án; về chi phí tố tụng; áp dụng pháp luật về thi hành án dân sự và về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, nguyên đơn ông Phạm Minh M có đơn kháng cáo yêu cầu trả toàn bộ diện tích đất, không đồng ý nhận giá trị đất.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, bị đơn anh Phạm Văn U có đơn kháng cáo yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối của ông Phạm Minh M.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đất của ông M cho bà H là mẹ anh U mượn và bà H thừa nhận có mượn đất của ông M và hứa sẽ trả đất cho ông M. Đất do ông M kê khai đăng ký trong sổ mục kê.

Do đó, có căn cứ xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông M. Ngoài ra, theo xác nhận của chính quyền địa phương xác định anh U có phần đất khác tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, buộc anh U và vợ con tháo dỡ nhà để trả đất theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện nhà có kết cấu dễ di dời, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn ông M yêu cầu anh U giao trả phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 69,10m^2 thuộc thửa đất số 49 tờ bản đồ 55, tọa lạc ấp p, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Ông M xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ông khai phá và cho lại ông M vào năm 1988, không có làm giấy tờ tặng cho. Sau đó, do vợ chồng bà Phạm Thị H (chị ruột ông M) không có chỗ ở nên ông M cho bà H mượn phần đất cặp mé sông để cất nhà ở. Năm 1999, mẹ ông M viết tờ di chúc để lại cho ông M căn nhà ở, phần đất thổ cư và phần đất ruộng. Ông M xác định phần đất cho bà H mượn cũng nằm trong phần đất mà mẹ ruột để lại cho ông. Do bà H không có đất ở nên ông M vẫn cho bà H tiếp tục ở trên đất đến khi bà H chết sẽ trả lại phần đất cho ông M. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông M cung cấp tờ di chúc được lập ngày 13/4/1999, thể hiện cụ Đinh Thị Ba để lại tài sản cho ông M gồm căn nhà tình nghĩa, phần đất thổ cư ngang 08m, dài 45m, phần đất ruộng 03 công tầm cấy diện tích 3.900m^2, khi cụ Đinh Thị Ba còn sống thì các con có quyền canh tác, sau khi cụ Ba qua đời thì phải giao trả lại tài sản nêu trên cho ông Phạm Minh Mười quản lý, sử dụng và được hưởng toàn bộ tài sản. Nay vợ chồng bà H đều đã chết và phần đất hiện do anh U đang sử dụng nên ông M khởi kiện yêu cầu anh U phải trả lại đất cho ông M.

Phía anh U xác định phần đất tranh chấp do cha mẹ anh tự khai phá sử dụng từ sau năm 1975, sau đó anh tiếp tục sử dụng cho đến nay. Đồng thời người làm chứng do anh U yêu cầu xác minh là anh Phạm Văn Việt và ông Trần Văn Kiệt đều xác định chỉ thấy vợ chồng bà H cải tạo và cất nhà ở trên đất, còn

nguồn gốc đất thì không xác định được nên lời khai của họ cũng không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét thấy, việc ông M cho bà H mượn đất các bên chỉ nói miệng với nhau, không có giấy tờ gì thể hiện việc cho mượn đất nên anh U không thừa nhận việc cha mẹ anh U có mượn đất của ông M như ông M trình bày. Tuy nhiên, ông M xác định khi vợ chồng bà H còn sống ông M đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại phần đất, đồng thời ông M có gửi đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết việc tranh chấp đất giữa ông M và bà H và đã được chính quyền ấp p trực tiếp hoà giải. Tại Biên bản về việc tranh chấp đất thổ cư nhà ở tại ấp p ngày 30/11/2008, có nội dung thể hiện bà H phát biểu "*cho bà ở thêm 20 năm nữa bà sẽ giao trả đất cho ông M*". Khi đó, ông M chỉ đồng ý cho bà H ở trong vòng ba năm phải trả lại ông M, thì bà H phát biểu tiếp "*vợ chồng bà khi qua đời sẽ trả lại phần đất đó cho ông M, khi vợ chồng bà mất, con cháu tự kiếm phần đất để ở*". Qua xác minh những người tiến hành tổ chức hòa giải vào ngày 30/11/2008, theo đó bà Lê Thị Cẩm T là Bí thư Chi đoàn ấp làm Thư ký xác định Biên bản về việc tranh chấp đất thổ cư nhà ở tại ấp p ngày 30/11/2008 đúng là do bà T viết, bà là Thư ký của cuộc hòa giải, khi hòa giải có mặt ông M và bà H tham dự hòa giải, tại cuộc hòa giải bà H đồng ý khi nào qua đời sẽ trả lại phần đất cho ông M và đồng ý cho ông M đăng ký quyền sử dụng đất, nội dung thể hiện trong biên bản là đúng diễn biến cuộc hòa giải. Sau khi kết thúc hòa giải bà Tú có đọc lại nội dung biên bản cho những người có mặt cùng nghe và đồng ý ký tên. Đối với ông Nguyễn Ngọc A là Cựu Chiến binh làm chủ tọa hoà giải ngày 30/11/2008, xác định Biên bản về việc tranh chấp đất thổ cư nhà ở tại ấp p ngày 30/11/2008 là đúng sự thật, khi đó chính quyền ấp p có tổ chức hòa giải tranh chấp đất giữa ông M và bà H, khi hòa giải bà H thừa nhận có mượn đất của ông M và khi nào bà H chết sẽ trả lại đất cho ông M nên cuộc hòa giải thành. Khi kết thúc hòa giải, Thư ký cuộc hòa giải có đọc lại nội dung và tất cả mọi người đồng ý ký tên vào biên bản. Riêng người làm chứng là ông Nguyễn Văn Đương (hiện đã chết), bà Trần Thị Nhung (không còn minh mẫn), ông Lâm Văn Hiếu (khi Tòa án đến xác minh không có mặt tại nhà) nên Tòa án không thể tiến hành xác minh được.

[4] Xét thấy, với chứng cứ nhận định nêu trên, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của ông M đã cho bà H là mẹ anh U mượn để ở thể hiện theo Biên bản hoà giải ngày 30/11/2008 tại ấp p. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Phần đất tranh chấp do vợ chồng anh U chị Ngọc đang cất nhà ở ổn định, căn nhà và tài sản trên đất có giá trị lớn và là nơi ở duy nhất của gia đình anh U, nên Toà án cấp sơ thẩm giao toàn bộ phần đất tranh chấp cho gia đình anh U quản lý, sử dụng và buộc anh U, chị Ngọc hoàn giá trị quyền sử dụng đất cho ông M là phù hợp.

[5] Xét thấy, phần đất tranh chấp ông M cho bà H mượn vào khoảng năm 1988, khi đó phần đất vẫn còn hoang hóa và cặp mé sông, sau khi nhận đất bà H cải tạo lại đất để xây dựng nhà ở. Từ đó đến nay đã gần 40 năm, bà H đã bồi đắp, cải tạo để phần đất có giá trị cao như hiện nay. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét công sức bồi đắp, cải tạo, gìn giữ của bà H và anh U đối với phần đất tranh

chấp, công sức bồi đắp được xem xét là 50% giá trị đất. Theo kết quả định giá phần đất tranh chấp có giá trị là 272.530.400 đồng, do đó, chỉ buộc anh U và chị Ngọc có nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị đất cho ông M, bà Nga với số tiền 136.265.200 đồng.

[6] Từ nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông M và bị đơn anh U; không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của luật sư bảo vệ cho ông M; có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 66/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Minh M và anh Phạm Văn U kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí cho ông M. Anh U đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0012866 ngày 29/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

[8] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Minh M và bị đơn anh Phạm Văn U; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2023, của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 100, 166, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh M đối với anh Phạm Văn U yêu cầu trả phần đất diện tích 69,10m^2 thuộc thửa đất số 49 tờ bản đồ 55, tọa lạc ấp p, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền sử dụng phần đất diện tích 69,10m^2 thuộc thửa đất số 49, tờ bản đồ 55, tọa lạc ấp p, xã Ph, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Tô Quốc B có cạnh dài 13,7m;

+ Hướng Tây giáp đất bà Huỳnh Thị X có cạnh dài 14m;

+ Hướng Nam giáp lộ bê tông có cạnh dài 5,2m;

+ Hướng Bắc giáp kênh Phó Sinh – Cạnh Đền có cạnh dài 4,8m.

(Có bản vẽ hiện trạng thửa đất kèm theo bản án)

Tài sản trên đất của anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền sử dụng gồm: Nhà chính ngang 5,1m dài 11,2m, diện tích 57,12m^2. Kết cấu khung sườn cây gỗ địa phương, nền tráng xi măng, vách tol lạnh, mái lợp tol xi măng; Nhà phụ ngang 4,1m, dài 4,7m, diện tích 19,27m^2. Kết cấu trụ sàn bê tông, lót sàn ván gỗ địa phương, khung sườn cây gỗ địa phương, vách tol lạnh, mái lợp tol lạnh.

Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng được quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất diện tích 69,10m^2 nêu trên theo quy định pháp luật.

3. Buộc anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng cùng có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Minh M và bà Bùi Thị Ng giá trị quyền sử dụng đất với số tiền 136.265.200 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.076.940 đồng. Ông Phạm Minh M đã dự nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.300.000 đồng theo Phiếu thu số 50/TB-TĐ ngày 06/7/2020 và 1.000.000 đồng theo Phiếu thu số 20/TB-TĐ ngày 10/3/2023, đã chi số tiền 3.076.940 đồng, ông M đã được nhận lại số tiền 223.060 đồng tại Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Buộc anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng cùng có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Minh M số tiền 3.076.940 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn U và chị Cao Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông Phạm Minh M đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009331 ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P nên được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Minh M và anh Phạm Văn U kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí cho ông M. Anh U đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu

số 0012866 ngày 29/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng